

CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam

Số: 78/2020/VNCS - BC

V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm 2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS)**

Mã chứng khoán: CSI

Địa chỉ trụ sở chính: F301, TTTM Grand Plaza, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3926 0099

Fax: (84-24) 3926 3411

Người thực hiện công bố thông tin: **Hoàng Xuân Hùng**

Địa chỉ: F301, TTTM Grand Plaza, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84-24) 3926 0099

Loại thông tin công bố 24 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*): Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam. Chi tiết như file đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/04/2020 tại đường dẫn: <http://vn-cs.com> của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu HC.

Đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2019
- Báo cáo tài chính năm 2019

CÔNG TY CPCK KIẾN THIẾT VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

HOÀNG XUÂN HÙNG



2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

I. Thông tin chung**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số số 96/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/08/2008
- Vốn điều lệ: 168.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 168.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: F301, tòa nhà trung tâm thương mại Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-24) 024 3926 0099
- Số fax: (84-24) 024 3926 3411
- Website: <http://www.vn-cs.com>
- Mã cổ phiếu (nếu có): CSI

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Tháng 08/2008: Nhận giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 96/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần chứng khoán Phương Hoàng với hai nghiệp vụ chính là: Môi giới chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Tháng 06/2009: Công ty trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- Tháng 12/2009: Là thời điểm đánh dấu mốc quan trọng của Công ty chính thức trở thành thành viên thứ 99 của Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 23/12/2009 và thành viên thứ 98 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 18/12/2009;
- Tháng 10/2016: Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đổi tên thành Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam theo giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2016.
- Tháng 07/2017: Công ty đã hoàn thành đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 60 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/7/2017.
- Tháng 08/2018: Công ty đã hoàn thành đợt phát hành chào bán riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ lên 168 tỷ theo Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/8/2018.
- Tháng 10/2018: Công ty đã hoàn thành bổ sung nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán theo

Giấy phép điều chỉnh số 84/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/10/2018.

- Tháng 11/2018: Công ty đã nhận quyết định số 1064/QĐ-UBCK chấp thuận thành lập Chi nhánh Công ty và quyết định số 1065/QĐ-UBCK chấp thuận cho chi nhánh công ty chứng khoán được hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/11/2018.

- Tháng 01/2019: Công ty đã nhận công văn số 65/UBCK-QLKD chấp thuận về việc được phép thực hiện giao dịch ký quỹ và công văn số 669/UBCK-QLKD chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.

- Tháng 02/2019: Công ty đã nhận từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam – mã CSI.

- Tháng 03/2019: Công ty đã nhận Quyết định số 122/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam và thông báo của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam – mã CSI.

- Tháng 10/2019: Công ty hoàn thành việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/10/2019.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- TỰ doanh chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư

3.2. Địa bàn kinh doanh:

▪ Công ty có trụ sở chính tại địa chỉ F301, tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

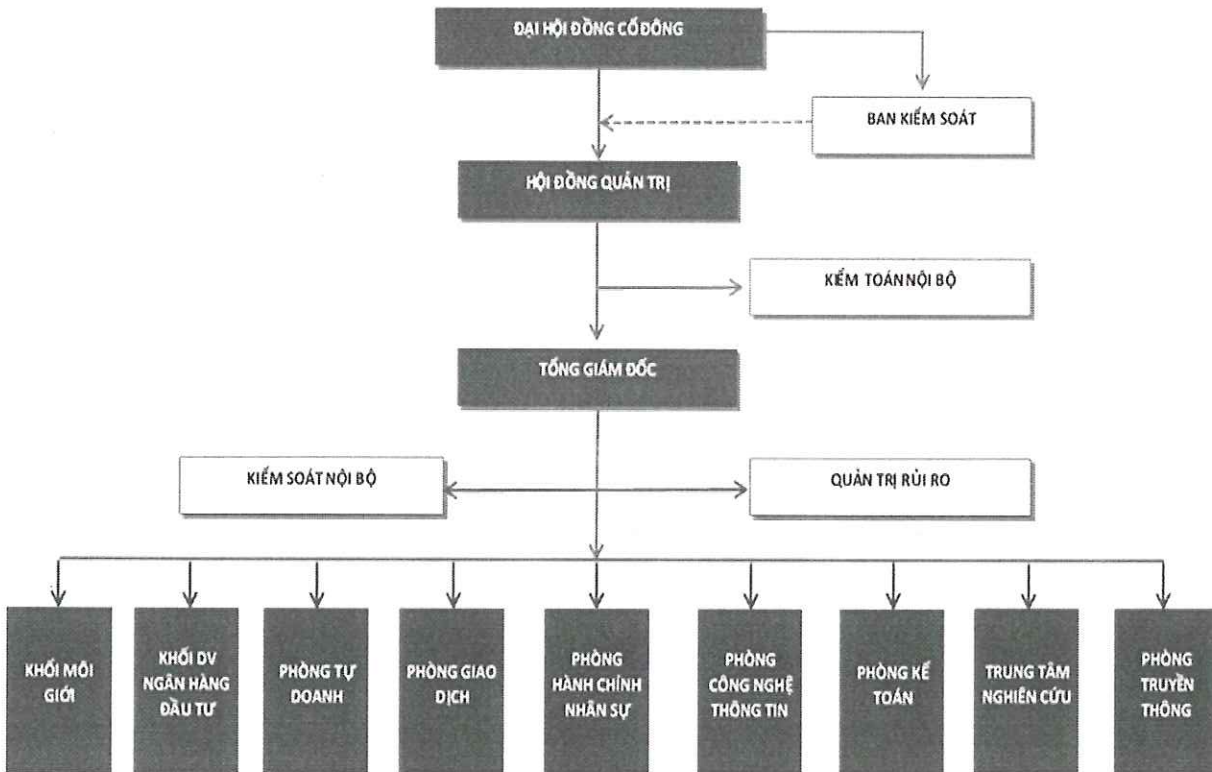
▪ Chi nhánh Công ty tại số 12-14 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị công ty:

Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có các công ty con, công ty liên kết.

5. Định hướng phát triển

Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) với tiền thân là Công ty cổ phần chứng khoán Phương Hoàng (PCS) được thành lập vào cuối năm 2008 bởi các cổ đông sáng lập là những doanh nhân thành đạt, các chuyên gia tài chính nhiều kinh nghiệm và Phoenix Capital, một định chế đầu tư và tư vấn tài chính có uy tín tại thị trường Việt Nam.

Sau khi chuyển đổi cơ cấu, các cổ đông hiện nay tiếp tục duy trì định hướng phát triển tập trung vào các hoạt động mà VNCS có thế mạnh, bao gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư;

Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Tự doanh chứng khoán và Ngân hàng đầu tư.

Sự khác biệt của VNCS là ở cách tiếp cận chuyên nghiệp trong các nghiệp vụ, triết lý đồng hành cùng khách hàng với cam kết được hiện thực hóa bằng hiệu quả công việc.

Với thế mạnh về kinh nghiệm và năng lực hiện có của đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, VNCS đã tập trung phát triển nghiệp vụ môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính doanh nghiệp. Đây là những nghiệp vụ thế mạnh của VNCS và được các cổ đông công ty có những định hướng phát triển.

Hoạt động môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư của VNCS được xây dựng với lợi thế của sự cẩn trọng, chuyên nghiệp, đạo đức kinh doanh và sự am hiểu tường tận thị trường và các nhu cầu của khách hàng dù là khách hàng cá nhân hay tổ chức đầu tư chuyên nghiệp. Nền tảng công nghệ, năng lực nghiên cứu phân tích chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ đầu tư của VNCS đảm bảo hiệu quả của khách hàng trong suốt quá trình hình thành quyết định đầu tư, thực hiện quyết định và sau giao dịch của nhà đầu tư. Ngoài ra trên cơ sở hiểu rõ được những thế mạnh bản sắc riêng của mình, VNCS tập trung vào hoạt động môi giới khách hàng nước ngoài mà chủ yếu là khai thác các nguồn khách hàng đến từ Trung Quốc.

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư của VNCS dựa trên nền tảng kinh nghiệm lâu năm, năng lực nghiệp vụ tư vấn chuyên nghiệp và mạng lưới khách hàng để có thể đem lại cho các doanh nghiệp và Chính phủ những giải pháp tài chính chuyên biệt và tổng thể. Các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và ngân hàng đầu tư của VNCS không chỉ dừng lại ở những nghiệp vụ thủ tục hồ sơ pháp lý mà còn thực sự đồng hành với các khách hàng với các dịch vụ đòi hỏi tính chuyên nghiệp và năng lực thực hiện cao như: tư vấn chiến lược, tư vấn tái cấu trúc, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, phát hành huy động vốn,...

6. Các rủi ro chính trong năm 2019:

6.1. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang:

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung mặc dù đã xuất hiện từ giữa năm 2018 nhưng vẫn tiếp tục kéo dài trong suốt năm 2019 với những gói đánh thuế mới của cả Mỹ và Trung Quốc áp lên hàng hóa của nhau. Mức thuế trung bình Mỹ áp dụng lên hàng hóa Trung Quốc đã tăng từ mức 3,1% thời điểm đầu năm 2018 lên mức 21,2% vào cuối năm 2019. Tương tự mức thuế trung bình Trung Quốc áp lên hàng hóa của Mỹ cũng tăng từ 8% lên 21,8% trong khung thời gian tương tự.

Xung đột thương mại Mỹ - Trung leo thang đã trở thành một nhân tố khiến tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường tài chính toàn cầu luôn ở trạng thái thận trọng.

6.2. Xu hướng giảm tốc của kinh tế thế giới:

Nền kinh tế thế giới trong năm 2019 tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro, không chỉ từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung mà còn từ việc Anh ra khỏi Liên minh Châu Âu (Brexit) và căng thẳng địa chính tại khu vực Trung Đông.

Thương mại toàn cầu bị đình trệ, kéo theo hoạt động kinh tế tại hầu hết các nền kinh tế lớn đều chậm lại. Tăng trưởng tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam đều suy giảm khiến kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam mặc dù vẫn tăng trưởng 8% nhưng mức tăng này chỉ bằng một nửa so với trung bình 3 năm trước đó.

6.3. Biến động tiêu cực của thị trường chứng khoán:

Bối cảnh thị trường tài chính, chứng khoán thế giới biến động mạnh trong năm 2019. Xung đột thương mại Mỹ-Trung leo thang, tăng trưởng chậm lại ở hầu hết các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Trung Quốc và khiến nhà đầu tư có xu hướng tìm đến các tài sản tài chính an toàn như trái phiếu chính phủ Mỹ, các đồng tiền có sự ổn định cao như Đô la Mỹ, Yên Nhật... và rút khỏi các tài sản tài chính có tính rủi ro cao như cổ phiếu.

Thị trường cổ phiếu chịu cạnh tranh lớn từ sự phát triển nhanh của thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong nước. Trong những năm gần đây về quy mô, sự đa dạng và khả năng tiếp cận với nhà đầu tư nhỏ lẻ đã tạo ra sự cạnh tranh lớn đối với thị trường cổ phiếu. Tổng số trái phiếu phát hành cả năm 2019 đạt giá trị 280.141 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2018, giúp quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp tăng lên mức 11,3% GDP. Trong khi đó, trên thị trường cổ phiếu, giá trị giao dịch bình quân phiên cả ba sàn năm 2019 chỉ đạt 4.661 tỷ/phiên, giảm 28,8% so với năm 2018.

TTCK Việt Nam vẫn chưa được nâng hạng lên nhóm thị trường mới nổi. Dù có nhiều kỳ vọng về việc được nâng hạng lên thị trường mới nổi, nhiều quỹ đầu tư sẽ vào thị trường Việt Nam trước để đón đầu, tuy nhiên thị trường Việt Nam vẫn chưa đáp ứng đủ điều kiện để được nâng hạng ngay trong năm 2019. Sự chậm trễ trong việc đáp ứng các tiêu chí của MSCI và FTSE khiến thị trường chưa thể hút được dòng vốn lớn trong năm 2019.

6.4. Bitcoin nỗ lực trở lại đỉnh cao, thị trường tiền ảo sôi động:

Năm 2019 đánh dấu mốc quan trọng Bitcoin bước sang tuổi thứ 10, với chuỗi giảm liên tiếp kéo dài 5 tháng từ cuối năm 2018 đến tháng 01/2019 với mức đáy ghi nhận thấp nhất là 3.349 USD. Khi niềm tin bùng nổ sau tuyên bố “Trung Quốc sẽ chú trọng phát triển công nghệ Blockchain” của chủ tịch Tập Cận Bình. Để rồi khi cơn sốt qua đi, những gì còn lại là một mùa

đồng cuối năm khá im ắng và mức đỉnh cao nhất được ghi nhận chỉ là 13.800 USD.

Dù cho không khí có phần ảm đạm vào cuối năm và nhiều khả năng Bitcoin không thể quay lại ngưỡng đỉnh kỉ lục, nhưng vẫn có nhiều thống kê tích cực đáng chú ý của đồng tiền số này cũng như toàn thị trường.

Vào đầu năm 2019, giới đầu tư đã bắt đầu chuyển biến chậm rãi nhưng chắc chắn, các khung pháp lý được hình thành, các quốc gia đang bắt đầu công nhận tính cách mạng của Blockchain, vốn hóa đã lấy lại được đà tăng trưởng đều và đạt mức cao nhất 366 tỷ USD hồi tháng 7 năm nay. Hiện tại, vốn hóa của thị trường chỉ còn bằng một nửa so với mức cao nhất trong năm 2019, dao động quanh con số 192 tỷ USD, dù vậy đây vẫn là dấu hiệu khá tích cực so với cùng kì năm ngoái.

Tiếp sau đó là những chỉ số về ROI. Về mặt này, Bitcoin là loại tài sản có mức sinh lời tốt nhất trong năm 2019 so với nhiều tài sản truyền thống.

Tính đến thời điểm tháng 08/2019, theo dữ liệu từ DataLight, ROI của Bitcoin đã vượt xa các cổ phiếu lớn ở phố Wall như Microsoft hay Amazon.

Với 2019, thị trường trở nên sôi động khi có nhiều động thái dẫn thân vào cuộc chơi tiền kỹ thuật số của nhiều tổ chức lớn như Bakkt, Fidelity, JPMorgan và điển hình là liên minh Libra với sự tham gia của ông lớn Facebook.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

✓ *Những khó khăn ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của VNCS:*

▪ Thị trường chứng khoán trong và ngoài năm 2019 gặp nhiều cú sốc lớn, ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty;

▪ VNCS gia nhập thị trường chứng khoán trong điều kiện còn nhiều khó khăn như: Quy mô vốn hoạt động của Công ty còn nhiều hạn chế, vì vậy còn chưa triển khai được nhiều dịch vụ tiện ích cho Nhà đầu tư, gặp nhiều khó khăn nên thị phần còn thấp so với nhiều công ty chứng khoán khác.

▪ Số lượng công ty chứng khoán giảm còn khoảng 75 công ty. Các công ty chứng khoán hiện tại đang cạnh tranh khốc liệt về cả thị phần, khách hàng và nhân sự do thị trường còn quá bé.

✓ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:*

Năm 2019, Công ty thúc đẩy triển khai tốt các hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả nên doanh thu hoạt động có mức tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2018.

Công ty tiếp tục đẩy mạnh mảng môi giới chứng khoán và Tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính,

tận dụng tối đa cơ hội của thị trường chứng khoán năm 2019. Bên cạnh các nghiệp vụ tiền đề, để đảm bảo hoạt động sử dụng nguồn vốn hiệu quả dựa trên số vốn đã được tăng lên 168 tỷ, năm 2019 chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đi vào hoạt động và kiện toàn. Vì vậy trong năm 2019 chi phí hoạt động Công ty năm 2019 tăng mạnh so với năm 2018.

Trong năm, với chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo nhằm nhanh chóng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đưa sản phẩm dịch vụ Công ty sớm vươn lên một tầm cao mới, Công ty đã thực hiện chuyển đổi hệ thống phần mềm quản lý giao dịch chứng khoán thành công, đi kèm việc phát sinh chi phí khác của Công ty tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước.

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn thành công, Công ty đã bổ sung thêm nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán, cùng với đó mở rộng thêm quy mô tài sản và đạt được những kết quả tích cực. Doanh thu hoạt động đạt 19,91 tỷ đồng, tăng 13,64% so với năm 2018. Doanh thu của VNCS vẫn chủ yếu đến từ mảng đầu tư, môi giới chứng khoán và tư vấn tài chính.

Năm 2019, chúng tôi vẫn luôn tiếp tục duy trì tinh thần hoạt động với chiến lược đã được Ban lãnh đạo hoạch định. Với những nền tảng tiền đề tạo ra trong năm 2019, chúng tôi có niềm tin vững vàng vào một kết quả hoạt động kinh doanh tốt trong năm 2020.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Ông Nguyễn Thành Lê – Tổng giám đốc từ tháng 01/2019 đến tháng 07/2019

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, kinh nghiệm 12 năm trong lĩnh vực Tài chính, chứng khoán

▪ 01/2006 – 07/2007: Chuyên viên chuyên tiền điện tử Ngân hàng HSBC – Chi nhánh Hà Nội;

▪ 08/2007 – 04/2009: Chuyên viên Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp CTCP Chứng khoán Kim Long;

▪ 05/2009 – 06/2010: Trưởng phòng Tư vấn tài chính Doanh nghiệp CTCP Chứng khoán Sacombank – chi nhánh Hà Nội;

▪ 07/2010 – 09/2012: Giám đốc Tư vấn tài chính Doanh nghiệp CTCP Chứng khoán Artex

▪ 10/2012 – 12/2013: Giám đốc tư vấn M&A CTCP Chứng khoán Maritime Bank;

▪ 06/01/2014 - 16/07/2018: Trưởng phòng TỰ doanh CTCP Chứng khoán An Phát;

▪ 01/2014 – 08/2015: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Vật liệu Xây dựng An Thái;

▪ 09/2015 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành;

- 19/7/2018 đến nay: Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam.

Ông Hoàng Xuân Hùng – Tổng giám đốc từ tháng 07/2019 đến nay

Cử nhân tiếng Trung Quốc, kinh nghiệm 09 năm trong lĩnh vực Tài chính, Chứng khoán

- 06/2012 – 10/2012: Trợ lý Giám đốc – Công ty TNHH Tư vấn và Xúc tiến Đầu tư Goldally;
- 10/2012 – 05/2016: Giám đốc - Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại Chi Ân – (Hà Nội);
- Từ 2016 đến 07/2019: Chủ tịch Hội Đồng quản trị - Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt nam;
- Từ 07/2019 đến nay: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt nam;

Ông Đỗ Bảo Ngọc – Phó Tổng giám đốc

Cử nhân Quản trị Kinh doanh, kinh nghiệm 11 năm trong lĩnh vực Tài chính, chứng khoán

- 2007 – 2010: Chuyên viên phân tích và đầu tư CTCP Chứng khoán Eurocapital;
- 2010 – 2012: Trưởng phòng phân tích – Đầu tư CTCP Chứng khoán Habubank;
- 2012 – 2013: Trưởng phòng đầu tư tài chính NHTMCP VPBANK;
- 2014 – 2017: Phó Giám Đốc Chiến lược thị trường CTCP Chứng khoán MBS;
- 04/04/2018 – hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam.
- 08/2018 – hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

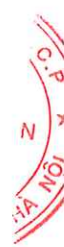
Ông Nguyễn Thanh Minh – Kế toán trưởng

Cử nhân kinh tế, kinh nghiệm 11 năm trong lĩnh vực Tài chính, kế toán:

- Năm 2007 đến 2009: Trợ lý kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán 3T;
- Năm 2010 đến 10/2016: Phó phòng Kế toán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;
- 11/2016 đến 05/2018: Kế toán trưởng việc tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest;
- 05/2018 đến Nay: Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ngày 4/4/2018: Bổ nhiệm ông Đỗ Bảo Ngọc giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam;
- Ngày 1/6/2018: Miễn nhiệm Bà Nguyễn Quỳnh Anh – Tổng giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam;
- Ngày 5/7/2018: Miễn nhiệm Bà Phạm Tuyết Thành - Quyền Kế toán trưởng Công ty cổ



phần chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam;

▪ Ngày 5/7/2018: Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Minh giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty cổ phần chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam;

▪ Ngày 20/7/2018: Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thành Lê giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam;

▪ Ngày 20/7/2018: Miễn nhiệm ông Nguyễn Thành Nam – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam;

▪ Ngày 2/8/2018: Bổ nhiệm Ông Đỗ Bảo Ngọc Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam đồng thời là Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

▪ Số lượng cán bộ, nhân viên của VNCS tính tại thời điểm tháng 12/2019 là 36 người;

▪ Chế độ làm việc: tuân thủ theo đúng chế độ giờ làm việc và ngày nghỉ theo quy định của Luật lao động hiện hành;

▪ Chính sách lương, thưởng: hệ thống lương của VNCS được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện trình độ, năng lực, thâm niên và hiệu quả công việc. Hệ thống này cũng đảm bảo tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương tối thiểu của Nhà nước;

▪ Tiền thưởng được xác định dựa trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và kết quả làm việc của từng nhân viên; năm 2019, VNCS đảm bảo tháng lương thứ 13 cho người lao động;

▪ Thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động;

▪ Công ty có chính sách thưởng, phạt thỏa đáng, công bằng và phân minh đối với toàn bộ nhân viên để khuyến khích người lao động có cống hiến cho sự phát triển của công ty.

Hoạt động Đầu tư Tài chính của VNCS được triển khai theo chiến lược đầu tư thận trọng, tập trung vào các cơ hội đầu tư Công ty nắm rõ về tiềm lực phát triển, năng lực điều hành của doanh nghiệp để chủ động các phương án đầu tư. Với mục tiêu lấy đầu tư để tăng tốc phát triển, VNCS đã xây dựng bộ máy nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ, kinh nghiệm để nghiên cứu, đánh giá, thực hiện và quản lý các danh mục đầu tư nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Trong năm 2019, hoạt động đầu tư của VNCS đã đạt được những con số ấn tượng như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2019 (VND)
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	2,440,647,000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	80,000,000,000

Hoạt động đầu tư năm 2019 của VNCS đã góp phần nâng cao doanh thu của Công ty, giúp Công ty chuyển từ lỗ sang lãi, giữ vai trò nền tảng thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018 (VND)	Năm 2019 (VND)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	158,109,950,630	158,835,412,456	0.46%
Tổng nợ phải trả	562,919,388	876,550,615	35.78%
Vốn chủ sở hữu	157,547,031,242	157,958,861,841	0.26%
Doanh thu thuần	17,520,549,938	19,910,455,829	13.64%
Lợi nhuận trước thuế	5,274,485,139	411,830,599	-92.19%
Lợi nhuận sau thuế	5,274,485,139	411,830,599	-92.19%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn):	Lần	259.19	172.67	
	- Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	259.19	172.67	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn				

	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0.356%	0.552%	
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0.36%	0.555%	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần			
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân				
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản		0.113	0.125	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	29.52%	2.07%	
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	3.35%	0.26%	
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	3.34%	0.26%	
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	29.52%	22.38%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần theo từng loại:
 - Cổ phần phổ thông: 16.800.000 cổ phần
 - Cổ phần ưu đãi: Không có
- Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại:
 - Cổ phần chuyển nhượng tự do: 16.800.000 cổ phần
 - Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không có

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông của công ty tại thời điểm 31/12/2019 với số lượng sở hữu như sau:

- + Cổ đông cá nhân trong nước: hơn 100 cổ đông (tương đương 5.272.925 cổ phần, chiếm 31.39% vốn điều lệ)
- + Cổ đông cá nhân nước ngoài: 03 cổ đông (tương đương 10.800.600 cổ phần, chiếm 64.29% vốn điều lệ).

- + Cổ đông tổ chức trong nước: 02 cổ đông (tương đương 726.475 cổ phần, chiếm 4.32% vốn điều lệ)
- + Cổ đông tổ chức nước ngoài: 0 cổ đông (chiếm 0% vốn điều lệ)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

5.6. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.7. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường, không có vi phạm nào phát sinh trong năm 2019.

6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên của VNCS tính tại thời điểm tháng 12/2019 là 36 người;
- **Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 05 ngày/tuần, nghỉ vào thứ bảy và chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, cán bộ nhân viên có thể làm thêm giờ và được hưởng chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Người lao động được nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm và thai sản theo đúng quy định của Nhà nước và có tối thiểu 12 ngày nghỉ phép/01 năm làm việc tại Công ty.

- **Điều kiện làm việc:** Công ty trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện hiện đại cho nhân viên sử dụng làm việc và luôn cố gắng tạo điều kiện cơ sở vật chất tốt nhất cho người lao động. Văn phòng, môi trường làm việc được thiết kế khang trang, ngăn nắp và đảm bảo vệ sinh an toàn.

- **Chính sách tuyển dụng:** Với phương châm nhân lực là nền tảng quan trọng nhất tạo nên thành công cho Công ty, Công ty đã xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp cùng với những chính sách đãi ngộ, đề bạt thỏa đáng để thu hút nhân sự có năng lực cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh.

Người lao động được bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Công ty và trình độ, năng lực chuyên môn của từng người. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động sắp xếp lại nhân sự, điều chuyển và bố trí nhân sự phù hợp với mong muốn của cá nhân cũng như nhu cầu công việc của Công ty. Công ty cũng xây dựng hệ thống quy chế tuyển dụng tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng doanh nghiệp.

▪ **Chính sách lương, thưởng:** Hệ thống lương của VNCS được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện trình độ, năng lực, thâm niên và hiệu quả công việc. Công ty luôn đảm bảo lợi ích cho người lao động về lương, phụ cấp công việc và các khoản phúc lợi khác, cũng như thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty. Người lao động được hưởng lương theo vị trí công việc, hiệu suất công việc và thành tựu đóng góp, cải tiến cho Công ty. Mức lương bình quân của cán bộ nhân viên năm 2019 tại Công ty là 7.791.032 VNĐ. Tùy vào mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh và hiệu suất lao động, hàng năm của Công ty sẽ có thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, tết và hiệu suất lao động, hàng năm Công ty sẽ thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, tết và hết năm tài chính,... Ngoài ra, hàng năm Công ty có tổ chức các đợt tham quan, du lịch cho người lao động. Những chính sách khen thưởng, phúc lợi đãi ngộ có ảnh hưởng tích cực giúp người lao động hăng say làm việc và có tinh thần gắn bó lâu dài với Công ty.

▪ **Chính sách đào tạo:** Với phương châm luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, bên cạnh việc cử cán bộ nhân viên đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của Công ty, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ cho nhân viên về nghiệp vụ công ty chứng khoán. Ngoài ra, Công ty còn khuyến khích, tạo điều kiện thời gian để cán bộ nhân viên tự học tập nâng cao kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm và hiểu biết về xã hội.

6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

▪ Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty luôn ý thức về việc đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương. Mặc dù chưa có đủ điều kiện kinh tế để góp sức vào các chương trình lớn, nhưng VNCS luôn cố gắng ủng hộ một phần nhỏ vào các hoạt động khi địa phương phát động để phục vụ cộng đồng.

6.4. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

▪ Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Đồng thời,

Ban Tổng Giám đốc đã kiến nghị với Hội đồng quản trị Phương án thực hiện và giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn từ thực tế.

▪ Năm 2019 là một năm tăng trưởng kinh tế tích cực với GDP tăng 7,02%, là năm thứ 2 liên tiếp đạt và vượt toàn bộ 12 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó 7 chỉ tiêu vượt kế hoạch. Quy mô nền kinh tế năm 2019 theo giá hiện hành đạt 262 tỷ USD. Bằng sự nhạy bén và kinh nghiệm lâu năm trong ngành chứng khoán, HĐQT và Ban Điều hành Công ty đã có những quyết sách đúng đắn và kịp thời biến thời cơ thành cơ hội đầu tư, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững.

▪ Tuy nhiên năm 2019 có nhiều biến động lớn của kinh tế toàn cầu và kinh tế Việt Nam được xem là những nhân tố tác động đa chiều lên TTCK cơ sở và tạo ra những diễn biến phức tạp trên thị trường trong năm 2019. Nhằm nắm bắt xu thế và tiên phong trong tư duy lựa chọn định hướng phát triển doanh nghiệp, năm 2019 Công ty cũng chú trọng đầu tư vào nhân lực và công nghệ dẫn đến chi phí hoạt động năm 2019 gia tăng so với cùng kỳ năm trước.

▪ Trong năm 2019, VNCS tiếp tục thực hiện quá trình tái cơ cấu công ty, thay đổi cơ cấu cổ đông, các cổ đông mới đã và đang trong quá trình xây dựng bộ máy hoạt động, cải cách bộ máy của công ty để hoạt động linh hoạt và hiệu quả hơn. Nhận thấy cơ hội phát triển ở thị trường Việt Nam còn nhiều tiềm năng và dự địa, chính vì vậy, năm 2019 Hội đồng quản trị đã xây dựng lộ kế hoạch hành động chi tiết với nỗ lực đưa công ty ngày một phát triển bền vững.

2. Tình hình tài chính

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng tài sản của Công ty tăng so với thời điểm 31/12/2018. Công ty còn tồn tại một khoản nợ xấu phải thu và đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định, ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2019.

Trong năm 2019, Công ty thực hiện quản lý nguồn vốn minh bạch, chặt chẽ, góp phần bảo đảm an toàn rủi ro trong thanh toán và trong hoạt động.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2019, về cơ bản Công ty vẫn triển khai cơ cấu tổ chức theo mô hình hoạt động chia theo các Phòng nghiệp vụ với phân công công việc chuyên biệt và nhiệm vụ rõ ràng. Công ty đã thành lập Hội đồng đầu tư nhằm góp phần đẩy mạnh công tác quản lý chặt chẽ cũng như thúc đẩy hoạt động đầu tư ngày càng phát triển.

Đặc biệt năm 2019, Công ty thực hiện thay đổi tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức nhân sự, sắp xếp nhân sự nội bộ trong các phòng, ban phù hợp hơn với chiến lược phát triển của Công ty.

Xây dựng đội ngũ phân tích, tư vấn đầu tư chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm, nhằm cung

cấp những đánh giá về thị trường cũng như tư vấn cho khách hàng một cách hiệu quả.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Theo Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, 2020 tiếp tục là một năm gian nan hơn đối với cộng đồng DN:

Khu vực chế biến chế tạo tăng trưởng cao (11.7%) nhưng mức tồn kho cũng rất lớn (tồn kho 17% tính đến 30/9/2019). Du lịch Việt Nam đạt xấp xỉ 18 triệu khách nhưng đã đến điểm bùng phát theo đánh giá của WB (Worldbank). Nếu không có các cải tổ về hạ tầng, dịch vụ sẽ mang đến nhiều hệ lụy vì bất kỳ sự tăng trưởng nào sẽ gây hại nếu không có sự phát triển tương ứng. Nguồn thu ngân sách nhà nước 70% thuộc về DN FDI. Nguồn thu từ sản xuất kinh doanh vào ngân sách nhà nước không đạt dù rằng đã điều chỉnh giảm mục tiêu.

Về xuất khẩu với phần lớn các thị trường giảm, trừ thị trường Mỹ. Tăng được xuất khẩu của thị trường Mỹ nhưng mừng cũng đi kèm với lo. 30% GDP của Việt Nam thuộc khu vực hộ kinh tế gia đình, nhóm lĩnh vực kinh tế còn hoang sơ. Thị trường bất động sản, chứng khoán không khởi sắc dù Việt Nam có cải thiện về môi trường kinh doanh nhưng hiện vẫn đang đứng thứ 7 trong ASEAN, hành trình như vậy vẫn còn rất xa để vào top 4.

Vấn đề cải cách thể chế là rất quan trọng trong 2020. Năm 2016, Việt Nam đã thành công khi cắt giảm điều kiện kinh doanh. Tuy nhiên hiện theo thống kê của VCCI vẫn còn 25 điểm chông chéo trong pháp luật đầu tư kinh doanh cần phải cải cách. Nếu tập trung giải quyết các điểm nghẽn về luật pháp liên quan đến đầu tư kinh doanh thì đây sẽ là điểm đột phá lớn trong 2020.

Phân tích thêm về cơ hội tăng trưởng kinh tế trong 2020, Việt Nam cần cân đối hơn nữa giữa tăng trưởng kinh tế và các yếu tố môi trường, xã hội. Bởi 2020 kinh tế thế giới dự báo tiếp tục giảm tốc và bất định. Với diễn biến chính trị Mỹ – Iran như hiện tại lạm phát sẽ gia tăng. Trong khi đó tăng trưởng chung công nghiệp quý 4/2019 đã chứng lại, cộng với một thế giới như vậy thì Việt Nam sẽ cần phải cẩn trọng hơn với tăng trưởng.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Không có.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Mặc dù Công ty vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty vẫn luôn cố gắng đảm bảo các vấn đề liên quan đến lợi ích của người lao động. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ, các hoạt động đào tạo và ngoại khóa vẫn được công ty tổ chức, nhằm đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần cho đội ngũ nhân viên toàn Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn ý thức về việc đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương. Mặc dù chưa có đủ điều kiện kinh tế để góp sức vào các chương trình lớn, nhưng VNCS luôn cố gắng ủng hộ một phần nhỏ vào các hoạt động khi địa phương phát động để phục vụ cộng đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2019, Công ty kiên định với chiến lược phát triển bền vững, đồng thời đẩy mạnh đầu tư cả nhân lực và hạ tầng đáp ứng đòi hỏi của thời kỳ công nghệ. Công ty dành nhiều hơn nguồn lực, thời gian cho nghiên cứu & phát triển sản phẩm mới, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự để vững bước đồng hành cùng nhà đầu tư đưa ra những kế hoạch phù hợp đón đầu cơ hội phát triển của thị trường trong tương lai.

Công ty tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội. Quản trị công ty công khai, minh bạch và đặt lợi ích của Công ty trong sự kết hợp hài hòa với lợi ích của Nhà nước và lợi ích của Cổ đông, Khách hàng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

HDQT đánh giá cao và ghi nhận kết quả điều hành kinh doanh năm 2019 của Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc đã chủ động tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HDQT. Công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa và kiểm soát rủi ro.

Đạo đức kinh doanh, văn hóa Công ty được chú trọng và bồi đắp thông qua việc xây dựng quy chế, tổ chức những hoạt động đào tạo, gắn kết đội ngũ v.v ...

Quan hệ với Công chúng, Nhà đầu tư, các Cơ quan Truyền thông luôn được quan tâm ngày càng được hoàn thiện làm cho hình ảnh của Công ty đến với công chúng nhiều hơn, đầy đủ hơn. Những báo cáo phân tích của VNCS là kênh thông tin khách quan, đúng định hướng chuyên sâu về TTCK được các nhà đầu tư, các tổ chức tư vấn quan tâm và đánh giá cao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tiếp tục xây dựng VNCS không chỉ có quy mô lớn hơn mà còn chất lượng tốt hơn trên thị trường. Nâng cao năng lực tài chính, nhân lực, công nghệ v.v... để đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, tiếp tục thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước, Cổ đông, Khách hàng, Người lao động và Cộng đồng.

Phát huy lợi thế, nỗ lực vươn lên giữ vị trí top về thị phần môi giới, phát triển sản phẩm dịch

vụ mới, cạnh tranh bằng chất lượng, cung cấp thêm cho khách hàng sản phẩm linh hoạt hỗ trợ tối ưu hóa vốn kinh doanh, bảo đảm an toàn vốn trong hoạt động cho vay ký quỹ.

Nâng cao chất lượng hoạt động của công nghệ thông tin, bảo mật và an toàn thông tin trong bất kỳ tình huống nào. Phát triển đội ngũ đi đôi với việc tinh gọn, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy. Tăng cường đào tạo tại chỗ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ 4.0.

VI. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo **04** thành viên tuân thủ theo đúng Điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP sở hữu có quyền biểu quyết do Công ty phát hành	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết do Công ty phát hành (%)	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
1	Wang Wei Ya	Chủ tịch HĐQT	6,480,000	38.57	0
2	Hoàng Xuân Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	4,602,525	27.4	0
3	Li You Mu	Thành viên HĐQT	4,320,000	25.71	0
4	Trần Đăng Khâm	Thành viên độc lập HĐQT	0	0	0

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thực hiện theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty

áp dụng cho công ty đại chúng, Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên nhiệm kỳ giai đoạn 2018 – 2023, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập. Các thành viên HĐQT đều là những cá nhân có năng lực, trình độ chuyên môn chuyên sâu trong nhiều lĩnh vực như tài chính, chứng khoán, đầu tư và quản lý doanh nghiệp.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã phát huy hiệu quả vai trò chỉ đạo điều hành trong việc định hướng, xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh với trọng tâm là chuyển đổi số và xây dựng năng lực kinh doanh trong ba trục kinh doanh cốt lõi. Bên cạnh đó, HĐQT còn tham vấn cho Ban Điều hành trong việc đưa ra chiến lược kinh doanh, phương án đầu tư, giải pháp phát triển Công ty nhằm tiếp tục củng cố vững chắc vị thế trên thị trường chứng khoán.

- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019: HĐQT đã triệu tập 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 31/03/2019 và báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, bao gồm các nội dung sau:

- + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018;
- + Báo cáo của Ban tổng giám đốc về kết quả kinh doanh 2018 và kế hoạch năm 2019;
- + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018;
- + Thông qua các nội dung về BCTC năm 2018 đã kiểm toán, phân phối lợi nhuận năm 2018, lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019, chi trả thù lao cho HĐQT và BKS;
- + Bổ sung thành viên HĐQT; Miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên BKS;
- + Bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành
- + Thông qua phương án phát hành riêng lẻ cổ phiếu
- + Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã được tổ chức theo đúng trình tự và quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của VNCS cũng như các quy định khác có liên quan đối với công ty niêm yết. Hội đồng quản trị cũng đã kịp thời chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các vấn đề được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019.

- Hoạt động họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị: HĐQT đã tổ chức các cuộc họp trong năm 2019 với sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT, nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ chức & hoạt động của Công ty. Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT được đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tính đến thời điểm Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Ban Kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam hoạt động gồm 03 thành viên tuân thủ theo đúng quy định trong Điều lệ Công ty cũng như quy định của pháp luật:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành (%)
1	Nguyễn Hữu Khôi	Trưởng Ban Kiểm soát	0
2	Trịnh Thùy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	0
3	Trần Thị Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	0

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, căn cứ vào Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc họp, định kỳ 06 tháng một lần, các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- Ban Kiểm soát đã thống nhất các nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán và soát xét các BCTC bán niên và BCTC năm 2019 theo quy định của pháp luật.

- Đã nhất trí lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE) là đơn vị thực hiện BCTC soát xét bán niên, BCTC kiểm toán các BCTC năm 2019, Báo cáo TLATTC soát xét thời điểm 30/6/2019, Báo cáo TLATTC kiểm toán thời điểm 31/12/2019 của Công ty và đề xuất với HĐQT trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để thẩm tra và thống nhất các số liệu đã được thể hiện trong BCTC năm 2019 của Công ty theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trước khi thực hiện kiểm toán bởi Công ty VAE để Hội đồng quản trị Công ty có cơ sở phê duyệt.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Năm 2019, dù Công ty chưa hoàn thành kế hoạch đề ra trong kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, song Công ty vẫn còn nhiều khó khăn, nên HĐQT và Ban Kiểm soát quyết định không nhận thù lao.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ quy định về Công bố thông tin và quản trị công ty đại chúng, đồng thời luôn chú trọng việc tăng cường quản trị Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/06/2017 về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản pháp luật liên quan trong lĩnh vực chứng khoán.

Bên cạnh đó, Công ty cũng lên kế hoạch nâng cao trình độ quản trị Công ty đối với Ban điều hành Công ty để đáp ứng theo quy định pháp luật cũng như theo yêu cầu của thị trường.

VII. Báo cáo tài chính

(Xin xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 đính kèm)

▪ Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Theo ý kiến kiểm toán, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

▪ Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán).

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2020

CÔNG TY CPCK KIẾN THIẾT VIỆT NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Báo cáo tình hình tài chính	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	15-30

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam được đổi tên từ Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng theo Giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2016. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 96/UBCK-GP ngày 21/08/2008, Giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GPĐC ngày 26/11/2008, số 287/UBCK-GP ngày 09/12/2009, số 11/GPĐC-UBCK ngày 23/05/2016, số 69/GPĐC-UBCK ngày 31/08/2018, số 84/GPĐC-UBCK ngày 15/10/2018 và số 58/GPĐC-UBCK ngày 01/10/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại: F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Wang Wei Ya	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Hoàng Xuân Hùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Hoàng Xuân Hùng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Wang Wei Ya	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Li You Mu	Thành viên	
Ông Trần Đăng Khâm	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 31/03/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Xuân Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Nguyễn Thành Lê	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/07/2019
Ông Đỗ Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Nguyễn Thanh Minh	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 10/04/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Hoàng Xuân Hùng



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 315 /BCKT-TC/AVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam, được lập ngày 24/03/2020, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 19/02/2019.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Ngô Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
0448-2018-126-1
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Đỗ Thị Duyên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
3642-2016-126-1



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		151.354.793.133	145.904.023.617
I. Tài sản tài chính	110		151.191.338.473	145.497.168.043
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1.1.1	41.072.541.458	17.860.489.428
1.1. Tiền	111.1		41.072.541.458	2.860.489.428
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	15.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	V.1.1.3.(1)	2.440.647.000	5.128.800.000
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.1.1.3.(2)	80.000.000.000	90.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	V.1.1.3.(3)	26.537.918.582	10.289.960.975
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	V.1.1.4	(1.227.712.192)	-
6. Các khoản phải thu	117	V.1.1.5	1.730.382.691	22.140.577.261
6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	20.561.180.000
6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.1.1.5	1.730.382.691	1.579.397.261
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1.730.382.691	1.579.397.261
7. Trả trước cho người bán	118	V.1.1.5	79.681.908	30.840.379
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.1.1.5	557.879.026	46.500.000
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		163.454.660	406.855.574
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.1.1.6	163.454.660	199.421.818
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	207.433.756
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250-260)	200		7.480.619.323	12.205.927.013
I. Tài sản cố định	220		4.705.037.029	7.747.315.357
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.1.1.8	3.065.936.353	3.382.740.492
- Nguyên giá	222		6.357.184.575	6.282.653.575
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(3.291.248.222)	(2.899.913.083)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.1.1.9	1.639.100.676	4.364.574.865
- Nguyên giá	228		2.776.705.000	6.276.822.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(1.137.604.324)	(1.912.247.135)
II. Tài sản dài hạn khác	250		2.775.582.294	4.458.611.656
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.1.1.10	405.041.950	985.680.550
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.1.1.6	995.735.238	2.186.298.749
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.1.1.7	1.374.805.106	1.286.632.357
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		158.835.412.456	158.109.950.630

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A	B	C	1	2
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		876.550.615	562.919.388
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		876.550.615	562.919.388
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.1.1.13	64.347.190	15.119.200
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	V.1.1.14	120.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.1.1.11	278.777.313	149.187.765
4. Phải trả người lao động	323		363.586.184	316.626.609
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.1.1.12	49.839.928	81.985.814
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		157.958.861.841	157.547.031.242
I. Vốn chủ sở hữu	410		157.958.861.841	157.547.031.242
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		168.000.000.000	168.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		168.000.000.000	168.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		168.000.000.000	168.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.1.1.15	(10.041.138.159)	(10.452.968.758)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(9.872.159.159)	(11.151.398.994)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(168.979.000)	698.430.236
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	440		158.835.412.456	158.109.950.630

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

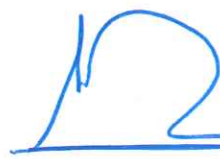
Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.1.1.16.(1)	16.800.000	16.800.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	V.1.1.16.(2)	363.100.000	9.838.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.1.1.16.(3)	410.269.670.000	308.026.500.000
1.1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		353.348.270.000	239.385.700.000
1.2. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		6.000.000	390.000.000
1.3. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		56.000.000.000	56.000.000.000
1.4. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		915.400.000	12.250.800.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	V.1.1.16.(4)	80.742.200.000	81.722.540.000
2.1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		80.742.200.000	81.722.540.000
3. Tiền gửi của khách hàng	026	V.1.1.16.(5)	19.018.898.435	11.124.029.684
3.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		19.018.898.435	3.883.886.719
3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		-	7.240.142.965
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		-	3.902.511.503
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		-	3.337.631.462
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.1.1.16.(6)	19.018.898.435	11.124.029.684
4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		18.993.988.515	6.737.956.388
4.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		24.909.920	4.386.073.296

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trần Văn Bình

Nguyễn Thanh Minh

Hoàng Xuân Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
A	B	C	1	2
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG		V.2.2.1		
1.1. Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		123.132.000	11.362.761.500
- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	V.2.2.1.(1)	43.332.000	10.651.431.264
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	V.2.2.1.(2)	75.300.000	711.330.236
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	V.2.2.1.(3)	4.500.000	-
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	V.2.2.1.(3)	7.915.346.503	3.400.987.069
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	V.2.2.1.(3)	1.259.248.975	5.115.835
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		1.047.555.221	1.229.787.902
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		3.777.000.000	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		676.966.665	96.500.000
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		143.958.614	104.176.673
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	V.2.2.1.(4)	4.425.000.000	720.000.000
1.9. Thu nhập hoạt động khác	11	V.2.2.1.(5)	542.247.851	601.220.959
Cộng doanh thu hoạt động (20=01→11)	20		19.910.455.829	17.520.549.938
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các TS TC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		491.302.437	52.676.586
- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	V.2.2.1.(1)	257.400.000	-
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	V.2.2.1.(2)	231.379.000	12.900.000
- Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		2.523.437	39.776.586
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		1.227.712.192	-
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		234.228.407	-
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		2.533.787.144	1.352.221.165
2.5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		14.018.182	-
2.6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		191.456.839	97.623.594
2.7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		669.696.418	-
2.8. Chi phí các dịch vụ khác	32	V.2.2.1.(6)	5.806.971	23.314.348
Cộng chi phí hoạt động (40=21→32)	40		5.368.008.590	1.525.835.693
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		V.2.2.2		
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		13.117.510	50.557.585
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=41→44)	50		13.117.510	50.557.585
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		V.2.2.3		
4.1. Chi phí lãi vay	52		40.985.480	99.042.466
Cộng chi phí tài chính (60=51→55)	60		40.985.480	99.042.466
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK	62	V.2.2.4	10.058.576.877	10.966.404.822
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-61-62)	70		4.456.002.392	4.979.824.542
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71	V.2.2.5	8.111.222	294.697.825
7.2. Chi phí khác	72	V.2.2.6	4.052.283.015	37.228
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80		(4.044.171.793)	294.660.597

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2019
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
A	B	C	1	2
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90		411.830.599	5.274.485.139
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		567.909.599	4.576.054.903
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(156.079.000)	698.430.236
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200		411.830.599	5.274.485.139
XI. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
XII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
12.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	V.2.2.7	25	531

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Trần Văn Bình

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Minh

Tổng Giám đốc

Hoàng Xuân Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		411.830.599	5.274.485.139
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		6.078.461.490	1.088.028.320
- Khấu hao TSCĐ	03		793.564.341	1.039.543.439
- Các khoản dự phòng	04		1.227.712.192	-
- Chi phí lãi vay	06		40.985.480	99.042.466
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		4.016.199.477	(50.557.585)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-	12.900.000
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		-	12.900.000
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	(711.330.236)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		-	(711.330.236)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		18.489.245.431	(127.238.807.793)
- (Tăng), giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		2.688.153.000	(4.430.369.764)
- (Tăng), giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		10.000.000.000	(90.000.000.000)
- (Tăng), giảm các khoản cho vay	33		(16.247.957.607)	(10.289.960.975)
- (Tăng), giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		20.561.180.000	(20.561.180.000)
- (Tăng), giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(150.985.430)	(1.579.397.261)
- (Tăng), giảm các khoản phải thu các DV CTCK cung cấp	37		(391.379.026)	(46.500.000)
- (Tăng), giảm các khoản phải thu khác	39		-	177.270.002
- (Tăng), giảm các tài sản khác	40		119.261.007	(493.706.648)
- Tăng, (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(32.145.886)	81.985.313
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	42		1.226.530.669	196.361.249
- Lãi vay đã trả	44		(40.985.480)	(99.042.466)
- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán	45		386.461	16.977.550
- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		129.589.548	(44.748.381)
- Tăng, (giảm) phải trả người lao động	48		46.959.575	(96.476.412)
- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		-	(4.020.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		627.138.600	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(46.500.000)	(66.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		24.979.537.520	(121.574.724.570)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(1.780.603.000)	(966.500.000)
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		13.117.510	50.557.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(1.767.485.490)	(915.942.415)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
A	B	C	1	2
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	108.000.000.000
2. Tiền vay gốc	73		18.500.000.000	23.100.000.000
2.1. Tiền vay khác	73.2		18.500.000.000	23.100.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(18.500.000.000)	(23.100.000.000)
3.1. Tiền chi trả gốc vay khác	74.3		(18.500.000.000)	(23.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	108.000.000.000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		23.212.052.030	(14.490.666.985)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		17.860.489.428	32.351.156.413
- Tiền	101.1		2.860.489.428	3.215.269.746
- Các khoản tương đương tiền	101.2		15.000.000.000	29.135.886.667
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103		41.072.541.458	17.860.489.428
- Tiền	103.1		41.072.541.458	2.860.489.428
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	15.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2019
 (tiếp theo)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

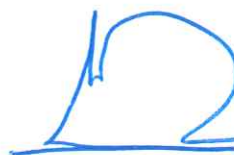
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		597.107.526.925	203.252.145.307
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(680.453.450.876)	(495.242.022.337)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		314.416.263.135	351.025.619.012
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(223.686.908.021)	(55.069.184.262)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(67.715.746)	(61.440.794)
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		579.153.334	1.207.966.144
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		7.894.868.751	5.113.083.070
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		11.124.029.684	6.010.946.614
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		11.124.029.684	6.010.946.614
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		3.883.886.719	3.345.760.414
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		7.240.142.965	2.665.186.200
Trong đó có kỳ hạn				
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		19.018.898.435	11.124.029.684
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		19.018.898.435	11.124.029.684
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		12.945.150.625	3.883.886.719
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		6.073.747.810	7.240.142.965
Trong đó có kỳ hạn				

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trần Văn Bình

Nguyễn Thanh Minh

Hoàng Xuân Hùng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

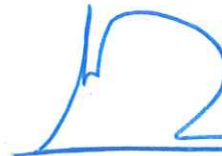
Chi tiêu	Thuyết minh	01/01/2018	01/01/2019	Năm 2018		Năm 2019		31/12/2018	31/12/2019
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	168.000.000.000	108.000.000.000	-	-	-	168.000.000.000	168.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		60.000.000.000	168.000.000.000	108.000.000.000	-	-	-	168.000.000.000	168.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	V.1.1.15	(15.727.453.897)	(10.452.968.758)	5.274.485.139	-	411.830.599	-	(10.452.968.758)	(10.041.138.159)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(15.727.453.897)	(11.151.398.994)	4.576.054.903		567.909.599		(11.151.398.994)	(10.583.489.395)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện			698.430.236	698.430.236		(156.079.000)		698.430.236	542.351.236
Tổng cộng		44.272.546.103	157.547.031.242	113.274.485.139	-	411.830.599	-	157.547.031.242	157.958.861.841

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trần Văn Bình

Nguyễn Thanh Minh

Hoàng Xuân Hùng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty

Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam được đổi tên từ Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng theo Giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2016. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 96/UBCK-GP ngày 21/08/2008, Giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GPĐC ngày 26/11/2008, số 287/UBCK-GP ngày 09/12/2009, số 11/GPĐC-UBCK ngày 23/05/2016, số 69/GPĐC-UBCK ngày 31/08/2018, số 84/GPĐC-UBCK ngày 15/10/2018 và số 58/GPĐC-UBCK ngày 01/10/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngành nghề kinh doanh

- Lưu ký chứng khoán;
- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Địa chỉ liên hệ của Công ty

Trụ sở chính của Công ty tại: F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

3. Điều lệ Công ty

Điều lệ Công ty được ban hành năm 2008 và sửa đổi, bổ sung lần thứ 11 ngày 31/03/2019.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động Công ty

- Quy mô vốn: Vốn điều lệ của Công ty là 168.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng).
- Mục tiêu đầu tư: Tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và môi giới chứng khoán.
- Hạn chế đầu tư của CTCK: Áp dụng theo Thông tư 210/2012/TT-BTC ban hành ngày 30/11/2012 về Hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán.
- Cấu trúc Công ty chứng khoán: Công ty có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 12-14 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-UBCK ngày 27/11/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán (được trình bày tại các chi tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính

(a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

(b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL. Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dùng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Khi bán tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS phải phân loại lại sang nhóm tài sản tài chính FVTPL.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

(c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng
- Đối với khoản đầu tư dài hạn khác: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản cho vay: Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi Công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá trị ban đầu. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 02 - 10 năm
- Phần mềm kế toán 05 năm
- Phần mềm chứng khoán 08 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty. Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

5.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

(a) Phải thu bán các tài sản tài chính

Phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

(b) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

Phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

5.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán hàng hóa, dịch vụ

6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

6.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

6.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

6.3. Kế toán chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí giao dịch chứng khoán, dịch vụ lưu ký, đường truyền và chi phí phải trả khác.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

6.4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản phải trả, phải nộp khác

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK

7.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

7.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận CTCK

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

(a) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

(b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

7.3. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK

Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của Pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các Pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, Điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

8. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập CTCK

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm:

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi vay;

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý CTCK

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

12. Các nguyên tắc và chính sách kế toán khác

12.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Trụ sở chính của Công ty.

12.2. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	758.333.600	-
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	40.314.207.858	2.860.489.428
Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000.000
	41.072.541.458	17.860.489.428

1.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
(a) Cửa CTCK Cổ phiếu	263.310	8.411.458.000
(b) Cửa Nhà đầu tư Cổ phiếu	51.119.481	800.947.918.400
	51.382.791	809.359.376.400

1.3. Các loại tài sản tài chính

(1) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu VC3	-	-	4.159.469.764	4.870.800.000
Cổ phiếu MBS	148.000.000	144.000.000	148.000.000	138.000.000
Cổ phiếu VNM	1.092.800.000	1.048.500.000	122.900.000	120.000.000
Cổ phiếu SSI	82.800.000	72.200.000	-	-
Cổ phiếu VHM	745.800.000	678.400.000	-	-
Cổ phiếu GAS	540.226.000	497.547.000	-	-
	2.609.626.000	2.440.647.000	4.430.369.764	5.128.800.000

(2) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền gửi có kỳ hạn, tại:		
NH TMCP ĐT và PT Việt Nam CN Hà Thành (kỳ hạn 13 tháng)	-	20.000.000.000
NH TMCP Sài Gòn (kỳ hạn 6 tháng)	30.000.000.000	20.000.000.000
NH TMCP Việt Á (kỳ hạn 6 tháng)	20.000.000.000	50.000.000.000
NH Agribank (kỳ hạn 12 tháng)	30.000.000.000	-
	80.000.000.000	90.000.000.000

(3) Các khoản cho vay và phải thu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay h.động Margin	26.206.116.196	26.206.116.196	-	-
Cho vay h.động ứng trước tiền bán của khách hàng	331.802.386	331.802.386	10.289.960.975	10.289.960.975
	26.537.918.582	26.537.918.582	10.289.960.975	10.289.960.975

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(4) Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (Đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối kỳ

Các loại tài sản tài chính	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Chênh lệch tăng (giảm)	Giá trị đánh giá lại	Giá gốc	Chênh lệch tăng (giảm)	Giá trị đánh giá lại
FVTPL	2.609.626.000	(168.979.000)	2.440.647.000	4.430.369.764	698.430.236	5.128.800.000
Cổ phiếu		-	-		-	-
- VC3	-	-	-	4.159.469.764	711.330.236	4.870.800.000
- MBS	148.000.000	(4.000.000)	144.000.000	148.000.000	(10.000.000)	138.000.000
- VNM	1.092.800.000	(44.300.000)	1.048.500.000	122.900.000	(2.900.000)	120.000.000
- SSI	82.800.000	(10.600.000)	72.200.000			
- VHM	745.800.000	(67.400.000)	678.400.000			
- GAS	540.226.000	(42.679.000)	497.547.000			
	2.609.626.000	(168.979.000)	2.440.647.000	4.430.369.764	698.430.236	5.128.800.000

1.4. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Dự phòng suy giảm - Cho vay hoạt động Margin

31/12/2019

01/01/2019

1.227.712.192

-

1.227.712.192

-

1.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính

-

20.561.180.000

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn

1.554.465.757

1.579.397.261

Phải thu hoạt động Margin

Dự thu tiền lãi - Nghiệp vụ Margin

175.916.934

-

1.730.382.691

22.140.577.261

Trả trước cho người bán

Người bán khác

79.681.908

30.840.379

79.681.908

30.840.379

Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

Công ty cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Tân Cảng

-

46.500.000

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

33.000.000

-

Phải thu khách hàng khác

524.879.026

-

557.879.026

46.500.000

1.6. Chi phí trả trước

Ngắn hạn

Chi phí khác

163.454.660

199.421.818

163.454.660

199.421.818

Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lắp đặt nội thất văn phòng	885.748.313	2.040.855.497
Chi phí khác	109.986.925	145.443.252
	995.735.238	2.186.298.749
1.7. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	31/12/2019	01/01/2019
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	754.793.652	742.761.256
Tiền lãi phân bổ trong năm	500.011.454	423.871.101
	1.374.805.106	1.286.632.357
1.8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		Thiết bị, dụng cụ quản lý
Khoản mục		
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2019		6.282.653.575
Mua trong kỳ		74.531.000
Số dư 31/12/2019		6.357.184.575
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2019		2.899.913.083
Khấu hao trong kỳ		391.335.139
Số dư 31/12/2019		3.291.248.222
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2019		3.382.740.492
Tại ngày 31/12/2019		3.065.936.353
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		2.338.103.813
1.9. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình		Phần mềm
Khoản mục		
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2019		6.276.822.000
Mua trong kỳ		1.706.072.000
Thanh lý (*)		(5.206.189.000)
Số dư 31/12/2019		2.776.705.000

Giá trị hao mòn lũy kế	1.912.247.135
Số dư 01/01/2019	402.229.202
Khấu hao trong kỳ	(1.176.872.013)
Thanh lý (*)	
Số dư 31/12/2019	1.137.604.324
Giá trị còn lại	4.364.574.865
Tại ngày 01/01/2019	1.639.100.676
Tại ngày 31/12/2019	

(*) Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 900.633.000
 Tài sản cố định vô hình là Phần mềm giao dịch chứng khoán Lotte có nguyên giá 5,206 tỷ, hao mòn lũy kế 1,176 tỷ được ghi giảm theo quyết định số 135/2019/QĐ-VNCS ngày 01/05/2019 của Công ty v/v giảm TSCĐ phần mềm giao dịch chứng khoán Lotte do không sử dụng.

1.10. Các tài sản đã cầm cố, thế chấp	31/12/2019	01/01/2019
Dài hạn	405.041.950	985.680.550
Đặt cọc thuê văn phòng	395.182.950	975.821.550
Đặt cọc làm thẻ Taxi Mai Linh	9.859.000	9.859.000
	405.041.950	985.680.550

1.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2019	01/01/2019
Thuế GTGT phải nộp	44.947.261	-
Thuế thu nhập cá nhân	233.830.052	149.187.765
	278.777.313	149.187.765

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

1.12. Chi phí phải trả	31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn	49.839.928	81.985.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác		
	49.839.928	81.985.814

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
1.13. Phải trả người bán		
Ngắn hạn		
Công ty CP Viễn thông Intercom Việt Nam	46.200.000	-
Người bán khác	18.147.190	15.119.200
	<u>64.347.190</u>	<u>15.119.200</u>
1.14. Người mua trả tiền trước		
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần tập đoàn Công nghệ T-TECH Việt Nam	50.000.000	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Tín Thành	70.000.000	-
	<u>120.000.000</u>	<u>-</u>
1.15. Lợi nhuận chưa phân phối		
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(9.872.159.159)	(11.151.398.994)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(168.979.000)	698.430.236
	<u>(10.041.138.159)</u>	<u>(10.452.968.758)</u>
1.16. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính		
(1) Cổ phiếu đang lưu hành		
Loại lưu hành dưới 1 năm	-	10.800.000
Loại lưu hành từ 1 năm trở lên	16.800.000	6.000.000
	<u>16.800.000</u>	<u>16.800.000</u>
(2) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	363.100.000	2.090.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	7.748.000.000
	<u>363.100.000</u>	<u>9.838.000.000</u>
(3) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	353.348.270.000	239.385.700.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	6.000.000	390.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	56.000.000.000	56.000.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	915.400.000	12.250.800.000
	<u>410.269.670.000</u>	<u>308.026.500.000</u>

	31/12/2019	01/01/2019
(4) TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	80.742.200.000	81.722.540.000
	80.742.200.000	81.722.540.000
(5) Tiền gửi của Nhà đầu tư		
Tiền gửi của Nhà đầu tư về hoạt động môi giới chứng khoán		
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.018.898.435	3.883.886.719
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	7.240.142.965
Của Nhà đầu tư trong nước	-	3.902.511.503
Của Nhà đầu tư nước ngoài	-	3.337.631.462
	19.018.898.435	11.124.029.684
(6) Phải trả Nhà đầu tư		
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
Của Nhà đầu tư trong nước	18.993.988.515	6.737.956.388
Của Nhà đầu tư nước ngoài	24.909.920	4.386.073.296
	19.018.898.435	11.124.029.684

2. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

2.1. Thu nhập

(1) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng		Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
	Số bán	Giá bán				
Cổ phiếu niêm yết						
BID	-	-	-	-	-	27.500
SHB	-	-	-	-	-	10.000
VC3	198.000	23.300	4.613.400.000	4.870.800.000	(257.400.000)	7.397.349.763
DHC	20.000	152.500	751.332.000	708.000.000	43.332.000	-
KPF	-	-	-	-	-	3.245.794.000
VNM	-	-	-	-	-	8.250.000
	218.000		5.364.732.000	5.578.800.000	(214.068.000)	10.651.431.263

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(2) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Danh mục các loại tài sản tài chính	31/12/2019		01/01/2019		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	
Loại FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết					
- VC3	-	-	-	711.330.236	(711.330.236)
- MBS	148.000.000	144.000.000	(4.000.000)	(10.000.000)	6.000.000
- VNM	1.092.800.000	1.048.500.000	(44.300.000)	(2.900.000)	(41.400.000)
- SSI	82.800.000	72.200.000	(10.600.000)		(10.600.000)
- VHM	745.800.000	678.400.000	(67.400.000)		(67.400.000)
- GAS	540.226.000	497.547.000	(42.679.000)		(42.679.000)
	2.609.626.000	2.440.647.000	(168.979.000)	698.430.236	(867.409.236)

(3) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, Các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2019	Năm 2018
Từ tài sản tài chính FVTPL	4.500.000	-
Từ tài sản tài chính HTM	7.915.346.503	3.400.987.069
Từ các khoản cho vay	1.259.248.975	5.115.835
	9.179.095.478	3.406.102.904

(4) Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.425.000.000	720.000.000
	4.425.000.000	720.000.000

(*) Trong đó, doanh thu với bên liên quan theo Hợp đồng Tư vấn tìm kiếm và giới thiệu cơ hội đầu tư số 03/2019/IB/VNCS-ĐHQT ngày 01/03/2019 giữa Công ty và bà Đỗ Hoàng Quỳnh Trang.

	3.500.000.000	-
--	---------------	---

(5) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập hoạt động khác	77.186.059	601.220.959
Doanh thu các dịch vụ tài chính	465.061.792	-
	542.247.851	601.220.959

(6) Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí khác	5.806.971	23.314.348
	5.806.971	23.314.348

2.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.117.510	50.557.585
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	13.117.510	50.557.585

	Năm 2019	Năm 2018
2.3. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	40.985.480	99.042.466
	40.985.480	99.042.466
2.4. Chi phí quản lý CTCK		
Chi phí nhân viên quản lý	3.971.050.863	4.471.290.607
Chi phí vật tư, văn phòng phẩm	42.642.600	2.738.183
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.010.583.372	986.878.714
Chi phí khấu hao TSCĐ	606.755.509	959.001.775
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.000.000	79.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.954.754.576	4.081.604.204
Chi phí khác	466.789.957	385.391.339
	10.058.576.877	10.966.404.822
2.5. Thu nhập khác		
Thu nhập khác	8.111.222	294.697.825
	8.111.222	294.697.825
2.6. Chi phí khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	4.029.316.987	-
Chi phí khác	22.966.028	37.228
	4.052.283.015	37.228
2.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận thuần sau thuế	411.830.599	5.274.485.139
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	411.830.599	5.274.485.139
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	16.800.000	9.935.362
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	531

3. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

3.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

3.2. Thông tin về các bên liên quan

(a) Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan

Mối quan hệ

Bà Đỗ Hoàng Quỳnh Trang

Bên liên quan

(b) Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Nội dung giao dịch

Năm 2019

Năm 2018

Bà Đỗ Hoàng Quỳnh Trang
Doanh thu hợp đồng tư vấn tài chính

3.500.000.000

0

-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Năm 2019

Năm 2018

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban TGD

1.274.595.495

1.043.156.277

3.3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.4. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.
Một số chỉ tiêu đã được phân loại và điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc





Trần Văn Bình

Nguyễn Thanh Minh

Hoàng Xuân Hùng